

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 - VINACONEX

Địa chỉ: D9 - Khuất Duy Tiến - TXBắc - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ 3 NĂM 2009

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	30/06/2009	30/09/2009
I	Tài sản ngắn hạn	388.517.764.727	425.323.904.817
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31.594.239.337	10.009.937.610
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	172.618.188.185	177.918.857.749
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	182.004.603.156	233.925.061.359
4	Hàng tồn kho	2.300.734.049	3.470.048.099
5	Tài sản ngắn hạn khác	49.435.097.560	54.082.021.075
II	Tài sản dài hạn		
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	31.072.616.505	30.405.392.218
	- TSCD hữu hình	8.806.980.334	21.218.487.423
	- TSCD thuê tài chính		
	- TSCD vô hình	3.250.000	8.693.950.442
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.262.386.171	492.954.353
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.919.033.753	21.919.033.753
5	Tài sản dài hạn khác	1.443.447.302	1.757.595.104
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	437.952.862.287	479.405.925.892
IV	Nợ phải trả	284.596.066.432	318.797.980.508
1	Nợ ngắn hạn	280.350.103.446	309.822.017.522
2	Nợ dài hạn	4.245.962.986	8.975.962.986
V	Vốn chủ sở hữu	153.356.795.855	160.607.945.384
1	Vốn chủ sở hữu	149.266.951.859	156.729.462.639
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	74.000.000.000	74.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32.364.960.000	32.364.960.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Có phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	32.819.113.035	32.519.113.035
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.082.878.824	17.845.389.604
2	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.089.843.996	3.878.482.745
	- Nguyên kinh phí và quỹ khác	4.089.843.996	3.878.482.745
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	- Nguồn kinh phí		
VI	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	437.952.862.287	479.405.925.892
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Nội dung	Quý 3/2009	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.537.921.877	327.830.668.236
2	Doanh thu giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.537.921.877	327.830.668.236
4	Giá vốn hàng bán	129.259.593.347	304.848.771.081
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.278.328.530	22.981.897.155
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.621.772.827	12.365.960.409
7	Chi phí tài chính	1.681.102.705	2.861.885.446
8	Chi phí bán hàng	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.868.984.279	9.408.542.974
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.350.014.373	23.077.429.144
11	Thu nhập khác	0	639.977.923
12	Chi phí khác	0	13.941.420
13	Lợi nhuận khác	0	626.036.503
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.350.014.373	23.703.465.647
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.587.503.593	5.858.076.043
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.762.510.780	17.845.389.604
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.049	2.412
18	Có tức trên mới có phiếu	15%	15%



Ngày 14 tháng 10 năm 2009

Đông giám đốc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Duy Hải